

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC
PHAN THÙY GIANG. Vấn đề phục dựng
lễ hội điện Trường Bà ở huyện Trà Bồng,
tỉnh Quảng Ngãi

Chuyên ngành: Văn hóa học

Mã số: 9 31 06 40

Lễ hội là thực hành văn hóa tâm linh phổ biến của mọi cộng đồng trên thế giới và ở Việt Nam. Các lễ hội truyền thống hầu như chỉ thỏa mãn nhu cầu về đức tin hay gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, ngày nay việc tổ chức hay phục dựng lễ hội còn hướng đến nhiều mục đích khác nhau như thỏa mãn nhu cầu vui chơi giải trí, kiến tạo bản sắc địa phương và tạo nguồn tài nguyên phát triển kinh tế. Luận án nghiên cứu quá trình phục dựng lễ hội điện Trường Bà trong bối cảnh đương đại, qua đó góp thêm góc nhìn về vấn đề này ở một tiểu vùng văn hóa đa tộc người.

Nội dung chính của Luận án gồm 5 chương: 1- *Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận.* 2- *Nguồn Thanh Bồng trong hệ thống nguồn ở Quảng Ngãi và mối quan hệ với làng Xuân Khương.* 3- *Di tích và lễ hội Trường Bà trong lịch sử.* 4- *Quá trình trùng tu di tích và phục dựng lễ hội điện Trường Bà sau Đổi mới.* 5- *Phục dựng lễ hội điện Trường Bà: soi chiếu từ lý thuyết đến thực tiễn.* Dưới đây là một số kết quả nổi bật của Luận án.

Điện Trường Bà là cơ sở thờ tự nữ thần gắn với nhiều huyền tích ở địa phương, có lịch sử hơn 200 năm, tọa lạc tại làng Xuân Khương, giáp ranh với cửa nguồn Thanh Bồng - trung tâm buôn bán Đông Tây sầm uất nhất của tỉnh Quảng Ngãi thời Trung và Cận đại (nay thuộc thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi). Kết quả nghiên cứu của Luận án cho thấy,

ban đầu, nữ thần có duệ hiệu là “Ngọc Phi Thánh nữ nương nương”, sau được vua Cảnh Thịnh sắc phong “*Thiên YA Na Diễn Ngọc Phi tôn thần*”. Thời Gia Long, nhà vua gia phong duệ hiệu “*Hàm Hoàng Quảng đại chí đức phổ bác hiển hóa Trang huy dục bảo Trung hưng Thượng đẳng thần*”. Theo quan niệm dân gian, nữ thần vừa bảo trợ cho cuộc sống của người dân, vừa mang lại may mắn cho hoạt động giao thương buôn bán.

Dựa trên các tư liệu hồi cố, Luận án miêu tả quy trình lễ hội mùa xuân và lễ hội mùa thu qua các giai đoạn khác nhau. Đối với việc tổ chức lễ hội trước năm 1945, có sự khác nhau về thành phần tham gia cũng như nguồn kinh phí được sử dụng. Lễ hội mùa xuân chủ yếu được tổ chức bởi dân làng Xuân Khương và kinh phí được trích từ nguồn thu nhập do phát canh “ruộng bà”; đối với lễ hội mùa thu, kinh phí được cấp bởi Sở Tuần ty, chủ yếu do các thương nhân đóng góp.

Từ nửa cuối thế kỷ XX, do đình làng Xuân Khương bị chiến tranh tàn phá, các vị nhân thần được thờ cúng trong đình đã được rước về thờ chung trong điện Trường Bà. Vì thế, ngôi điện này đã trở thành cơ sở thờ tự đa thần. Điện Trường Bà ngày nay có thể chính là đền thờ Thái Dương công chúa đã được nhắc đến trong các cổ thư. Trải qua nhiều thăng trầm, kiến trúc điện Trường Bà đã thay đổi, diện mạo ban đầu không được lưu giữ. Kiến trúc ngôi điện ngày nay là kết quả của các đợt trùng tu thực hiện trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

Tư liệu nghiên cứu thực địa của Luận án cho thấy, trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, điện Trường Bà bị

xuống cấp, lễ hội bị ngưng trệ. Việc phục dựng lễ hội điện Trường Bà giai đoạn này được thực hiện bởi cộng đồng người dân làng Xuân Khương, có sự hỗ trợ của chính quyền Sài Gòn. Những năm 1954-1959, chính quyền Việt Nam Cộng hòa quận Trà Bồng đã cho phép làng Xuân Khương trùng tu điện Trường Bà, gồm bốn phần: sân điện, nhà hội, tiền đường và chánh điện. Trong chánh điện có 6 ban thờ, được phân bố cân đối bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Ban thờ chính đặt giữa chánh điện. Chánh thần được phụng thờ là vị nữ thần, người dân vẫn gọi là Bà. Hai bên tả hữu là ban thờ các nhân thần người Hoa (Quan Thánh, Quan Bình, Châu Thương) và người Kinh (Bùi Tá Hán và Mai Đình Dỡ). Các vị Tiên hiền và Hậu hiền được thờ riêng trên một ban ở đầu hồi phía Đông. Năm 1959, lễ hội điện Trường Bà được phục dựng không có nhiều khác biệt so với lễ hội truyền thống được tổ chức trước năm 1945. Đến năm 1971, một số hạng mục của điện Trường Bà lại bị hư hỏng, viên quận trưởng Trà Bồng đã quyết định cho trùng tu. Thực tế, có thể coi những nỗ lực của chính quyền Sài Gòn thời kỳ 1954-1975 là tích cực, qua đó những đứt đoạn truyền thống tâm linh của người dân làng Xuân Khương đã từng bước được nối lại.

Sau năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành chính sách đổi mới và chủ trương bảo tồn - phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Quá trình trùng tu di tích và phục dựng lễ hội điện Trường Bà đã nhanh chóng được thực hiện. Việc trùng tu kéo dài trong nhiều năm, qua nhiều đợt, với sự đóng góp của nhiều thành phần xã hội, và chỉ cơ bản hoàn thành vào năm 2011. Lễ hội điện Trường Bà được nâng cấp thành lễ hội cấp huyện. Lễ hội bắt đầu có xu hướng lồng ghép các

mục đích khác và từng bước được quan phương hóa, chính trị hóa.

Luận án nhận định việc phục dựng lễ hội điện Trường Bà là sự tái tạo có đổi mới cả 2 nội dung “lễ” và “hội”, trong đó “lễ” được coi là hạt nhân trụ cột, là yếu tố bền vững, có phần “tĩnh”; phần “hội” là yếu tố khả biến, có thể đổi mới, bổ sung nhưng không làm biến dạng phần “lễ”. Sự thay đổi trong phần “lễ” chủ yếu là về lễ vật. Trong khi đó, phần “hội” được bổ sung nhiều hoạt động văn nghệ và thể thao, với sự góp mặt của nhiều cộng đồng tộc người khác nhau. Chính nhờ sự “tĩnh” trong phần “lễ”, mặc dù có sự can thiệp sâu của chính quyền nhà nước, lễ hội điện Trường Bà vẫn đảm bảo được tính xác thực trong phần cốt lõi.

Luận án chỉ ra việc phục dựng lễ hội điện Trường Bà trong 3 thập niên qua có những đặc điểm hoàn toàn khác so với thời kỳ trước dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa. Quá trình phục dựng lễ hội trong những năm gần đây đã không chỉ dừng lại ở quy mô cộng đồng làng Xuân Khương, mà được nâng cấp trở thành lễ hội cấp huyện và mang nhiều thông điệp mới. Từ nội dung đến hình thức của việc phục dựng đều thể hiện những chuyển biến sâu sắc trong nhận thức cũng như hành động của các tầng lớp xã hội khác nhau. Quá trình phục dựng này đồng thời thỏa mãn nhu cầu của các bên liên quan. Người dân tìm kiếm sự an toàn trong niềm kính tín nữ thần. Các doanh nhân tìm kiếm cơ hội thu lợi nhuận. Riêng với chính quyền các cấp, mục tiêu được nhắm đến không chỉ dừng lại ở việc di sản hóa hay phát triển kinh tế, mà cao hơn là củng cố khối đại đoàn kết toàn dân thông qua một cộng đồng liên tộc người có chung một biểu tượng nữ thần được thờ cúng.

(xem tiếp trang 63)